CK.0000072496

TS. Phạm Quỳnh Phương
(biên soạn)

NGƯỜI ĐỒNG TÍNH SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI Ở VIỆT NAM

Tổng luận các nghiên cứu

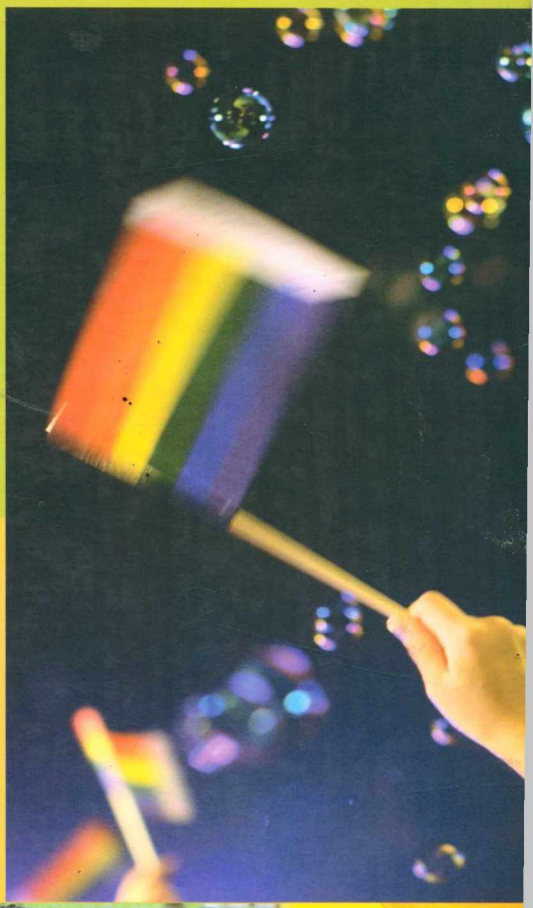

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TS. Phạm Quỳnh Phương
(biên soạn)

NGƯỜI ĐỒNG TÍNH SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI Ở VIỆT NAM

Tổng luận các nghiên cứu

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU 16

PHẦN 1:
KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI 19

I. Tại sao có người đồng tính, song tính và chuyển giới? 20
1. Tính dục đồng giới (Homosexuality) 21
2. Hiện tượng xuyên giới/chuyển giới (Transgenderism) 27
3. Một số hiểu lầm và định kiến thường gặp 37

II. Diễn ngôn và áp lực xã hội đối với đồng tính, song tính và chuyển giới 47
1. **Hệ tư tưởng độc tôn dị tính 49**
2. **Định kiến, kỳ thị và phân biệt đối xử với đồng tính, song tính và chuyển giới 55**

PHẦN 2:
HIỆN TRẠNG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI Ở VIỆT NAM 65

I/ Nhận diện người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam 66
1. Người đồng tính và song tính 66
1.1 Ai là người đồng tính và song tính ở Việt Nam? 66
1.2 Quá trình nhận thức xu hướng tính dục 69
1.3 Việc "come-out" (công khai) của người đồng tính 70
1.4 Cộng đồng người đồng tính kết nối như thế nào? 76
2. Người chuyển giới 78
2.1 Có bao nhiêu người chuyển giới? 78
2.2 Quá trình nhận thức về bản dạng giới của người chuyển giới 79
2.3 Quan hệ tình cảm của người chuyển giới 85

2.4 Kỳ thị với người chuyển giới 87
2.5 Người chuyển giới liên kết với nhau như thế nào? 90
3. Trẻ đường phố là LGBT 94
3.1 Quá trình tự ý thức về bản dạng giới 95
3.2 Tại sao trẻ đường phố LGBT quyết định "đi bụi"? 99
3.3 Trẻ em LGBT đường phố gặp rủi ro gì? 101
3.4 Quyền của trẻ đường phố LGBT 104

II/ Thực trạng mối quan hệ đồng giới ở Việt Nam 106
1. Nhu cầu có cuộc sống chung 107
2. Chia sẻ trách nhiệm cuộc sống 109
3. Quan hệ tình yêu, tình dục và con cái 112
4. Nhu cầu được gia đình hai bên thừa nhận 114
5. Khó khăn từ cuộc sống chung 115
6. Nhu cầu hợp pháp hóa quan hệ đồng giới 120

PHẦN 3:
NHỮNG THÁCH THỨC CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI VIỆT NAM 131

I/ Định kiến xã hội 132
1. Định kiến trong tài liệu chính thống và học thuật 133
1.1 Kiến thức sai lệch về người đồng tính và tình dục đồng giới 133
1.2 Đồng nhất đồng tính và chuyển giới 136
2. Định kiến trên báo chí về người đồng tính và chuyển giới 138
2.1 Các khái niệm liên quan đến xu hướng tình dục đồng tính bị sử dụng nhầm lẫn 139
2.2 Khắc họa phiến diện cộng đồng người đồng tính 141
2.3 Mô tả lệch lạc chân dung người đồng tính 142
2.4 Cách thức đưa tin nào đã tạo ra hình ảnh sai lệch về người đồng tính? 149
3. Thái độ xã hội đối với người đồng tính 157

3.1 Nhận diện người đồng tính 159
3.2 Xác định nguyên nhân của đồng tính 161
3.3. Vị trí của người đồng tính trong hệ thống chức năng xã hội 168
3.4. Người đồng tính có quyền gì? 179
4. Định kiến của nhân viên y tế với nam quan hệ đồng giới (MSM) .. 182
4.1 Các hình thức biểu hiện của định kiến và phân biệt đối xử 183
4.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến sự kỳ thị của nhân viên y tế với MSM.... 187
4.3 Rào cản MSM tiếp cận dịch vụ 190

II/ Đối mặt với rủi ro 196
1. Bạo lực 196
1.1 Bạo lực gia đình dựa trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới 196
1.2 Bạo hành trong trường học và ngoài đường phố 199
1.3 Hậu quả của bạo lực dựa trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới 201
2. Sức khỏe 204
2.1 Sức khỏe tâm thần 204
2.2 Sức khỏe tình dục 207
2.3 Rủi ro sức khỏe liên quan đến nhu cầu thay đổi cơ thể 210
3. Việc làm 211
3.1 Việc làm cho nhóm chuyển giới nữ 212
3.2 Việc làm đối với người chuyển giới nam 217
4. Các vấn đề pháp lý 218
4.1 Không được đổi tên và xác định lại giới tính 218
4.2. Không công nhận hôn nhân đồng giới 222
4.3 Những khoảng trống pháp lý đối với LGBT 224

PHẦN 4:
XU HƯỚNG THỪA NHẬN VÀ BẢO VỆ NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI TRÊN THẾ GIỚI 227

1. Quan điểm y tế chính thức:
Đồng tính không phải là bệnh và không cần chữa 229
2. Quan điểm của Liên hợp quốc:
Quyền của người LGBT là quyền cơ bản của con người 230
3. Phong trào ủng hộ người đồng tính, song tính và chuyển giới trên thế giới 234
3.1 Luật cấm kỳ thị và phân biệt đối xử 234
3.2 Quan tâm đến quyền dân sự của người chuyển giới 236
3.3 Đa dạng hóa các kiểu kết đôi:
hợp pháp hóa kết đôi có đăng ký 237

KẾT LUẬN 245
ĐỀ XUẤT 250

PHỤ LỤC 253
Phụ lục 1: Tóm tắt nội dung các nghị quyết và báo cáo của Văn phòng Cao Ủy, Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc về người đồng tính, song tính và chuyển giới 253
Phụ lục 2: Bộ nguyên tắc Yogyakarta 258

TÀI LIỆU TỔNG HỢP VÀ THAM KHẢO 291

TỪ VỰNG TIẾNG ANH LIÊN QUAN

Gay:	đồng tính nam
Lesbian:	đồng tính nữ
Bisexual:	song tính
Transgender:	chuyển giới
Cross gender/gender crossing:	xuyên giới
Cross dressing:	mặc khác giới
MSM (men have sex with men):	nam có quan hệ tình dục với nam
MTF (male to female):	chuyển giới từ nam sang nữ
FTM (female to male):	chuyển giới từ nữ sang nam
Homophobia:	chứng sợ đồng tính
Heterosexual hegemony:	áp đặt dị tính
Heterosexism:	độc tôn dị tính/thiên vị dị tính
Heterosexual previlege:	đặc quyền dị tính
Heteronormative assumption:	giả định chuẩn dị tính
Institutional heterosexism:	chuẩn dị tính qui định bởi thể chế
Intersex:	liên giới tính
Identity:	căn tính/đặc tính/bản dạng
Gender identity:	bản dạng giới/căn tính giới
MSM:	men who have sex with men - nam có quan hệ tình dục đồng giới
Sexual identity:	bản dạng tình dục /căn tính tình dục
Transgenderism:	chuyển giới luận /hiện tượng chuyển giới
Transsexual:	người chuyển đổi giới tính

TTranssexualism:	chuyển đổi giới tính luận /hiện tượng chuyển đổi giới tính
TTransvestite:	người ăn vận cải giới
TTransvestism:	ăn vận cải giới luận /hiện tượng ăn vận cải giới
TTransphobia:	chứng sợ chuyển giới
SSOGI:	Xu hướng tính dục và bản dạng giới

TỪ VIẾT TẮT

CCIHP	Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số
CSAGA	Trung tâm Ứng dụng Khoa học về Giới - Gia đình - Phụ nữ và Vị thành niên
CSYT	Cơ sở y tế
ISEE	Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường
ICS	Nhóm kết nối và chia sẻ thông tin (Tổ chức kết nối và thúc đẩy quyền LGBT tại Việt Nam)
ISDS	Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội
LGBT	Người đồng tính, song tính và chuyển giới
MSM	Nam quan hệ đồng giới
MTF	Người chuyển giới từ nam sang nữ
FTM	Người chuyển giới từ nữ sang nam
NVYT	Nhân viên y tế
STI	Các bệnh truyền nhiễm
SOGI	Xu hướng tính dục và bản dạng giới

DANH SÁCH CÁC BẢNG, BIỂU

Biểu 1:Lĩnh vực ngành nghề của người đồng tính
Biểu 2: Lứa tuổi nhận biết tình cảm đồng giới
Biểu 3: Thất vọng nếu biết con là người đồng tính
Biểu 4: Tức giận nếu chị gái/anh trai là người đồng tính
Biểu 5: Mức độ công khai ở gia đình và họ hàng
Biểu 6: Mức độ công khai với bạn bè, hàng xóm, ở trường học, nơi làm việc
Biểu 7: Mức độ bộc lộ khuynh hướng tình dục trong các bối cảnh khác nhau
Biểu 8: Trải nghiệm sự kỳ thị
Biểu 9: Lý do quyết định sống chung của các cặp đồng giới
Biểu 10: Quan hệ tài sản của các cặp đồng giới đang sống chung ở độ tuổi kết hôn
Biểu 11: Ý nghĩa của việc mong muốn có con
Biểu 12: Mong muốn của các cặp đồng giới được gia đình chấp nhận
Biểu 13: Những khó khăn trong mối quan hệ cùng giới
Biểu 14: Luật pháp có nên cho phép kết hôn cùng giới không
Biểu 15: Mong muốn kết hôn nếu được luật pháp công nhận
Biểu 16: Mức độ ủng hộ công nhận pháp lý với hôn nhân cùng giới và kết đôi dân sự
Biểu 17: Lựa chọn các hình thức đăng ký kết đôi
Biểu 18: Những lo ngại khi pháp luật công nhận hôn nhân đồng tính
Biểu 19: Lý do kết hôn dị tính
Biểu 20: Nơi người đồng tính tìm bạn tình được mô tả trên báo chí
Biểu 21: Nhân cách đạo đức của người đồng tính trên mặt báo
Biểu 22: Nhu cầu của người đồng tính được thể hiện trên báo chí